

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-PT
Ngày 10-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung
Bà Nguyễn Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Đặng Hà Nhung
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; trú tại: Nhà không số, tổ 1, ấp 2, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Nhật V, sinh năm 1977; trú tại: 18H6, KDC-V, khu phố P, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Trần Thị N, Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Nhật V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T và ông Huỳnh Nhật V tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh P và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2014, quyền số 01/2014 ngày 22/8/2014. Quá trình

chung sống, bà T và ông V có 01 con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 30/7/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương với nhau. Bà T và ông V đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay.

Nhận thấy không còn tình cảm với ông V, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể đoàn tụ, sống hạnh phúc nên bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Nhật V.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 30/7/2015, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Huỳnh Nhật V trình bày:*

Ông V thống nhất về thời gian kết hôn, chung sống và có 01 con chung như bà T trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông V xác định vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, lâu dần tình cảm phai nhạt, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Ông V xác định không còn tình cảm với bà T, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể đoàn tụ nên cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông V yêu cầu Tòa án ghi nhận vợ chồng ông V, bà T thay phiên nhau chăm sóc con chung, mỗi người nuôi con một năm, bắt đầu từ bà T.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/6/2018 ông Huỳnh Nhật V có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Huỳnh Nhật V, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Nhật V.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 30/7/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Huỳnh Nhật V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trả lại đơn phản tố cho ông Huỳnh Nhật V. Ông V được quyền khởi kiện vụ án “Chia tài sản sau khi ly hôn” bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/7/2018, bị đơn ông Huỳnh Nhật V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu giải quyết chia tài sản chung.

Tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Tại phiên tòa phúc thẩm, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Ông V nộp đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung sau khi Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai ngày 03/5/2018 nên cấp sơ thẩm trả lại đơn phản tố không chấp nhận giải quyết trong cùng vụ án là có căn cứ. Về con chung, xét cháu N từ nhỏ đã do mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu N chưa đủ 03 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông V là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và tại phiên tòa bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên căn cứ theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Nhật V tự nguyện kết hôn chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh P vào ngày 22/8/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do bất đồng quan điểm sống, hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn ông V cũng thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn về quan hệ hôn nhân của bà T và ông V theo quy định của pháp luật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và tuyên xử bà T được ly hôn với ông V là chưa đúng quy định nên sẽ sửa lại phần quyết định về quan hệ hôn nhân.

[3] Về con chung, sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 30/7/2015. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T và ông V đều có công việc và có mức thu nhập ổn định, tuy nhiên cháu N chỉ mới hơn 03 tuổi, hiện đang sống chung với mẹ là bà T, để đảm bảo sự ổn định, quyền và lợi ích hợp pháp của cháu, cũng như sự phát triển về mọi mặt của cháu N, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Ông Huỳnh Nhật V kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/5/2018, đến ngày 08/5/2018, Tòa án nhân dân thị xã T ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ nhưng đến ngày 05/6/2018 bị đơn ông Huỳnh Nhật V mới có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung nên không được chấp nhận giải quyết trong cùng vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể: “bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả lại đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Nhật V là không đúng quy định của Điều 192 Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định việc trả lại đơn khởi kiện và gây khó khăn trong việc thi hành bản án nên sửa lại cho đúng quy định. Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không ghi rõ về quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Điều 26 Luật Thi hành án dân sự là thiếu sót.

[5] Bị đơn ông V kháng cáo cho rằng ông có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu giải quyết chia tài sản chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm có sai sót cần phải sửa lại nên sẽ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông V, sửa án sơ thẩm theo đúng quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải nộp do bản án sơ thẩm bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 200; Điều 227; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Nhật V.

2. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Huỳnh Nhật V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T với ông Huỳnh Nhật V.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Minh N, sinh ngày 30/7/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Huỳnh Nhật V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Nhật V vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Minh N, sinh ngày 30/7/2015 theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015 và các luật khác có liên quan.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2.2. Không chấp nhận giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Nhật V về việc yêu cầu chia tài sản chung trong cùng vụ án. Ông Huỳnh Nhật V có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0030623 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Nhật V không phải nộp. Hoàn trả cho ông Huỳnh Nhật V 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0023820 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Chi cục THADS huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh P;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Huỳnh